

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CỬ CHI
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Bản án số: 293/2022/DSST

Ngày: 05/7/2022

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Thanh Hương.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Mai Thị Tám;
- Ông Nguyễn Ngọc Cảnh.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Trang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Lê Quang Trinh, Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Củ Chi xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 496/2020/TLDS-ST ngày 04 tháng 11 năm 2020 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 242/2022/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 5 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số: 227/2022/QĐST-DS ngày 06 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng TMCP S.

Địa chỉ trụ sở: Lầu 8, số 266-268 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D, Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Hồ Thị Minh T, Phó giám đốc Trung tâm thể.

Người đại diện theo ủy quyền lại: Ông Trần Đức T, sinh năm 1984 (có mặt);
Địa chỉ liên lạc: Lầu 8, số 266-268 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn*: Ông Nguyễn Chi P, sinh năm 1968 (vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ 5, ấp B, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1967 (vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ 5, ấp B, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 08 tháng 7 năm 2020 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng TMCP S trình bày sự việc như sau:

Ngày 17/10/2011 ông Nguyễn Chi P có ký với Ngân hàng TMCP S (viết tắt là Ngân hàng) hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản điều khoản, điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), hạn mức tín dụng là 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) với mục đích tiêu dùng cá nhân, lãi suất 2,6%/tháng. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông P đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 117.706.753đ (Một trăm mười bảy triệu bảy trăm lẻ sáu nghìn bảy trăm năm mươi ba đồng). Lãi được tính trên từng giao dịch phát sinh theo từng ngày và theo lãi suất Ngân hàng áp dụng vào từng thời điểm khác nhau. Ông P phải chịu các khoản phí theo quy định trong Điều 24 của Bản điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, chi tiết lãi, phí trong sao kê tóm tắt.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông P đã thanh toán 135.292.500đ (Một trăm ba mươi lăm triệu hai trăm chín mươi hai nghìn năm trăm đồng), số tiền trên được thanh toán áp dụng theo Điều 20 của Bản điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng theo thứ tự như sau:

- Các khoản phí và/hoặc lãi của kỳ trước;
- Giao dịch rút tiền mặt của kỳ trước;
- Giao dịch mua hàng hóa của kỳ trước;
- Các khoản phí và/hoặc lãi trong kỳ;
- Giao dịch rút tiền mặt trong kỳ;
- Giao dịch mua hàng hóa trong kỳ.

Qua nhiều lần nhắc nhở nhưng ông P vẫn không có thiện chí trả nợ nên nay Ngân hàng Thương Tín khởi kiện, yêu cầu cá nhân ông Nguyễn Chi P phải trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật toàn bộ số nợ vay bao gồm nợ gốc, nợ lãi quá hạn tạm tính đến ngày 05/7/2022 là 50.619.114đ (Năm mươi triệu sáu trăm mười chín nghìn một trăm mười bốn đồng), trong đó nợ gốc là 23.396.794đ (Hai mươi ba triệu ba trăm chín mươi sáu nghìn bảy trăm chín mươi bốn đồng), lãi quá

hạn là 27.222.320đ (Hai mươi bảy triệu hai trăm hai mươi hai nghìn ba trăm hai mươi đồng) và có trách nhiệm thanh toán nợ lãi phát sinh từ ngày 06/7/2022 cho đến khi trả hết nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng ngày 17/10/2021.

Nguyên đơn không yêu cầu vợ ông P là bà Nguyễn Thị N trả tiền, chỉ yêu cầu cá nhân ông P trả tiền.

Ông P không có thể chấp tài sản gì cho nguyên đơn.

- Trong suốt quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, vắng mặt ông Nguyễn Chi P và bà Nguyễn Thị N nên không có lời khai của ông P và bà Nhung.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Ngoài việc vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử, thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát thì từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án cũng như Hội đồng xét xử sơ thẩm và Thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 90, 91, 95 Luật Các tổ chức tín dụng và Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Theo đơn khởi kiện của Ngân hàng TMCP S, Tòa án đã thụ lý vụ kiện có mối quan hệ pháp luật tranh chấp là: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” được quy định tại Khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng Dân sự; bị đơn trong vụ kiện là ông Nguyễn Chi P hiện có địa chỉ tại huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh nên căn cứ vào Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn ông Nguyễn Chi P và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị N mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án số 496/2020/TLST-DS ngày 04 tháng 11 năm 2020; thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo kết quả phiên họp; Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 242/2022/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 5 năm 2022 kèm giấy triệu tập; Quyết định hoãn phiên tòa số 227/2022/QĐST-DS ngày 06 tháng 6 năm 2022 kèm giấy triệu tập nhưng tại phiên tòa hôm nay vẫn vắng mặt mà không rõ lý do nên căn cứ vào Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông P và bà N.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng TMCP S về việc yêu cầu ông Nguyễn Chi P phải trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật toàn bộ số nợ vay bao gồm nợ gốc, nợ lãi quá hạn tạm tính đến ngày 05/7/2022 là 50.619.114đ (Năm mươi triệu sáu trăm mười chín nghìn một trăm mười bốn đồng), trong đó nợ gốc là 23.396.794đ (Hai mươi ba triệu ba trăm chín mươi sáu nghìn bảy trăm chín mươi bốn đồng), lãi quá hạn là 27.222.320đ (Hai mươi bảy triệu hai trăm hai mươi hai nghìn ba trăm hai mươi đồng) và có trách nhiệm thanh toán nợ lãi phát sinh từ ngày 06/7/2022 cho đến khi trả hết nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng ngày 17/10/2021.

Qua các tài liệu, chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở xác định:

Ngày 17/10/2011, ông Nguyễn Chi P có ký với Ngân hàng TMCP S (viết tắt là Ngân hàng) hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản điều khoản, điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), hạn mức tín dụng là 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) với mục đích tiêu dùng cá nhân, lãi suất 2,6%/tháng. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông P đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 117.706.753đ (Một trăm mười bảy triệu bảy trăm lẻ sáu nghìn bảy trăm năm mươi ba đồng). Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông P đã thanh toán 135.292.500đ (Một

trăm ba mươi lăm triệu hai trăm chín mươi hai nghìn năm trăm đồng). Tính đến ngày 05/7/2022 ông P còn nợ nguyên đơn tổng cộng số tiền là 50.619.114đ (Năm mươi triệu sáu trăm mười chín nghìn một trăm mười bốn đồng), trong đó nợ gốc là 23.396.794đ (Hai mươi ba triệu ba trăm chín mươi sáu nghìn bảy trăm chín mươi bốn đồng), nợ lãi quá hạn là 27.222.320đ (Hai mươi bảy triệu hai trăm hai mươi hai nghìn ba trăm hai mươi đồng). Như vậy việc nguyên đơn yêu cầu ông P phải trả số tiền trên là có căn cứ.

Do ông P vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên việc nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ông P trả một lần số tiền trên ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật là có cơ sở, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với tiền lãi phát sinh trên nợ gốc từ ngày 06/7/2022 ông P vẫn phải tiếp tục thanh toán cho nguyên đơn theo hợp đồng tín dụng đã ký kết.

Phía nguyên đơn xác nhận chỉ yêu cầu cá nhân ông P trả tiền, không yêu cầu bà Nhung trả tiền nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Từ sự phân tích như vừa nêu ở trên, xét thấy đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi là phù hợp.

Xét cần buộc bị đơn phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 244, Điều 271, khoản 1 Điều 273, Điều 278, Điều 280 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ Điều 471, Điều 474 Bộ luật Dân sự năm 2005;

- Căn cứ Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 90, khoản 2 Điều 91, Điều 95 Luật Các Tổ chức tín dụng;

- Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

- Căn cứ Điều 6, 7, 26, 30, 31, 32 Luật Thi hành án dân sự năm 2008;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng TMCP S.

Buộc ông Nguyễn Chi P phải trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền tính đến ngày 05/7/2022 tổng cộng là 50.619.114đ (Năm mươi triệu sáu trăm mười chín

ngàn một trăm mười bốn đồng), trong đó nợ gốc là 23.396.794đ (Hai mươi ba triệu ba trăm chín mươi sáu ngàn bảy trăm chín mươi bốn đồng), tiền lãi là 27.222.320đ (Hai mươi bảy triệu hai trăm hai mươi hai ngàn ba trăm hai mươi đồng), trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Đối với tiền lãi trên số nợ gốc phát sinh từ ngày 06/7/2022, ông P vẫn phải tiếp tục thanh toán cho nguyên đơn theo hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản điều khoản, điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng).

2. Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm buộc ông P phải nộp là 2.530.956đ (Hai triệu năm trăm ba mươi ngàn chín trăm năm mươi sáu đồng).

Hoàn lại tiền tạm ứng án phí 637.387đ (Sáu trăm ba mươi bảy ngàn ba trăm tám mươi bảy đồng) cho Ngân hàng TMCP S theo biên lai số 0085001 ngày 04/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Về quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP. HCM;
- VKSND H. Củ Chi;
- Chi cục THADS H. Củ Chi;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Vũ Thị Thanh Hương

